

Bản án số: 233/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2026
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn L Bưu

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 336/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Đ, sinh năm 1976. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ĐM, xã GT, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn L, sinh năm 1976. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp L1, xã GT, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 27/01/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Đ trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh L chung sống từ năm 1997, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã GT, tỉnh Đồng Tháp). Quá trình chung sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, anh L còn chung sống với người phụ nữ khác. Vợ chồng chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 02 con chung tên Hồ Thanh T, sinh năm 1998 và Hồ Thanh H, sinh năm 2000 hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hồ Văn L không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ, nhận thấy:

- Vợ chồng chị kết hôn vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã GT, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 046/1997 ngày 09/10/1997 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời trình bày của chị Đ: Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và anh L không chung thủy trong hôn nhân, hiện chị và anh L không thể hàn gắn tình cảm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị Đ. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh L mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn như chị Đ đã nêu và điều này cho thấy anh cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc, không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ, cho chị được ly hôn với anh L là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh L chung sống có 02 con chung tên Hồ Thanh T, sinh năm 1998 và Hồ Thanh H, sinh năm 2000 hiện đã trưởng thành và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đ yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị Đ. Chị Đoàn Thị Đ được ly hôn với anh Hồ Văn L.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002315 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như chị đã nộp xong án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- THADS tỉnh DT;
- VKSND khu vực 2 - DT;
- UBND xã GT, Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Bích Thiên

